TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-10-2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Liên.
2. Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về "*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị LTCT, sinh năm 19.. - Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh T, (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh TCL, sinh năm 19.. - Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh T, (vắng mặt). Hiện đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc, Đồng Nai (thuộc xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-7-2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTCT trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh TCL tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2015, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T (nay là phường A, thị xã A), tỉnh T. Ngày cưới bên gia đình chồng có cho số nữ trang, nhưng vợ chồng đã bán để chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, đến tháng 4-2018 xảy ra mâu thuẫn, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Thời gian chung sống đến tháng 02 năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị thấy hai người chở đi trên xe, anh L thấy chị nên bỏ chạy, khi về nhà chị hỏi thì anh L không thừa nhận, thời gian này anh L đi làm công nhân 2, 3 ngày mới về nhà lần, anh đi thường xuyên, anh đi làm không đưa tiền cho chị chi phí, cũng không quan tâm lo lắng gì cho

vợ con, vợ chồng cũng hay lời qua tiếng lại cải vã nhau, nên chị hay về nhà cha mẹ ruột, cuộc sống không hạnh phúc, đến tháng 4-2018 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân luôn. Thời gian này anh L chỉ gọi điện hỏi thăm con vài lần, anh không bàn việc đoàn tụ với chị. Sau đó chị nghe nói anh L và người phụ nữ đó đã có con. Tháng 5-2019 chị nghe tin anh L vi phạm pháp luật bị bắt ở Củ Chi, bị Toà án huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt anh L 04 năm tù, về tội "Cướp giật tài sản", hiện anh L đang chấp hành án ở trại giam Xuân Lộc, Đồng Nai, thuộc xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con tên TCM, sinh ngày 03-6-20.., hiện chị đang nuôi. Nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17-9-2020 của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, bị đơn anh TCL trình bày: Anh và vợ LTCT sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại xã A, huyện T, tỉnh T. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vấn đề kinh tế, nên đã ly thân từ năm 2018. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên TCM, sinh ngày 03-6-20.., khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị T nuôi, anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngày 17-9-2020 anh TCL có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đang chấp hành án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Toà án đưa ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L; về con chung: Giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu TCM, sinh ngày 03-6-20... Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh TCL có đơn xin giải quyết vắng mặt do đang chấp hành án, nên Toà án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị T thì từ tháng 02 năm 2018 anh L có quan hệ tình cảm với

người phụ nữ khác, chị thấy hai người chở đi trên xe, anh L thấy chị nên bỏ chạy, chị hỏi thì anh L không thừa nhận, từ đó anh L đi làm 2, 3 ngày mới về nhà, mà thường xuyên như vậy, anh không phụ tiền chi phí, cũng không quan tâm đến vợ con, vợ chồng lời qua tiếng lại cải vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên tháng 4-2018 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân luôn, nên chị xin ly hôn với anh L. Theo anh L thì vợ chồng mâu thuẫn do vấn đề kinh tế, nên đã ly thân từ năm 2018. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn của hai anh chị xảy ra từ đầu năm 2018, do anh chị không tin tưởng lẫn nhau về tình cảm và tiền bạc nên hay cải vã gây gổ, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2018, thời gian này anh chị cũng không gặp nhau bàn việc sống chung lại. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh L khai có 01 con tên TCM, sinh ngày 03-6-20.., hiện chị T đang nuôi. Chị T và anh L đều có yêu cầu giao con cho chị T nuôi, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của anh chị là thật sự tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và về nợ chung:* Chị T và anh L khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị T chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị LTCT đối với anh TCL. Chị T được ly hôn với anh L.

2/. *Về con chung*: Giao chị LTCT được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu TCM, sinh ngày 03-6-20... Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. *Về tài sản chung và về nợ chung:* Chị T, anh L không yêu cầu, nên không giải quyết.

4/. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị LTCT chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo

Biên lai thu số 0018392 ngày 23-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx. Trảng Bàng;
- UBND phường ..;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An